

Số: /QĐ-UBND

Quảng Nam, ngày tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường
tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/5/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 90/2007/QĐ-TTg ngày 12/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 10/TTr-STNMT ngày 06/01/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025, với nội dung chính sau:

1. Mục tiêu: xây dựng hoàn thiện chương trình quan trắc môi trường của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản về môi trường, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về môi trường, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Phạm vi và đối tượng Chương trình: thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh, với các thành phần môi trường: nước mặt, nước dưới đất, nước biển ven bờ, không khí xung quanh, đất, trầm tích.

3. Nội dung:

a) Số điểm quan trắc: 106 điểm quan trắc, trong đó:

- Môi trường nước mặt (sông, hồ): 40 điểm;
- Môi trường nước dưới đất: 20 điểm;
- Nước biển ven bờ: 06 điểm;
- Môi trường không khí xung quanh: 29 điểm;
- Môi trường đất: 05 điểm;
- Trầm tích: 06 điểm.

b) Thông số quan trắc:

STT	Môi trường	Số lượng	Thông số quan trắc
1	Nước mặt (sông, hồ)	20	pH, DO, TSS, BOD ₅ , COD, NH ₄ ⁺ , NO ₃ ⁻ , PO ₄ ³⁻ , Fe, Pb, Hg, Cd, As, tổng Cr, Mn, CN ⁻ , dầu mỡ, Coliform, Ecoli, thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ: (Aldrin, Benzen hexachloride, Dieldrin, tổng Dichloro diphenyl trichloroethane).
		2	Cl ⁻ , chất hoạt động bề mặt (quan trắc 16 điểm nước sông thuộc 06 huyện, thị xã, thành phố có biển).
2	Nước dưới đất	15	pH, độ cứng, TDS, chỉ số permanganat, NH ₄ ⁺ , NO ₃ , NO ₂ ⁻ , SO ₄ ²⁻ , Cl ⁻ , F ⁻ , Fe, Mn, As, E. coli, Coliform.
3	Nước biển ven bờ	11	pH, TSS, NH ₄ ⁺ -N, Pb, Cd, Cr, Fe, Hg, CN ⁻ , tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
4	Môi trường đất	6	As, Cd, Cu, Pb, Zn, Thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ (Aldrin, Endrin, Heptachlor, Lindane, DDT).
5	Trầm tích	7	As, Cd, Pb, Zn, Hg, Cr.
6	Không khí xung quanh	6	Tiếng ồn, Bụi lơ lửng, SO ₂ , NO ₂ , CO; Thông số khí tượng (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió).
		3	Thông số khí tượng (Nhiệt độ, Độ ẩm, Tốc độ gió, Hướng gió), NH ₃ , H ₂ S, CH ₃ SH cho các vị trí khu dân cư gần bãi rác.

c) Tần suất quan trắc:

STT	Môi trường	Tần suất	Thời điểm thực hiện
1	Nước mặt	Nước sông 12 lần/năm	Hàng tháng trong năm
		Nước hồ 4 lần/năm	Các tháng: 3, 6, 9, 12
		Nước biển ven bờ 4 lần/năm	Các tháng: 3, 6, 9, 12
2	Nước dưới đất	4 lần/năm	Các tháng: 3, 6, 9, 12
3	Môi trường đất	1 lần/năm	Tháng 9
4	Trầm tích	1 lần/năm	Tháng 11
5	Không khí xung quanh	1 lần/tháng	Hàng tháng trong năm

d) Thời gian quan trắc: 165 ngày/năm.

(Chi tiết theo Phụ lục Danh mục các điểm quan trắc, thông số quan trắc, tần suất quan trắc và thời gian quan trắc giai đoạn 2021 - 2025)

4. Nguồn kinh phí thực hiện chương trình: từ kinh phí sự nghiệp môi trường tỉnh. Hằng năm Sở Tài nguyên và Môi trường lập đề cương - dự toán kinh phí thực hiện Chương trình gửi Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện Chương trình đã được phê duyệt; hằng năm xây dựng và trình phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí để thực hiện Chương trình theo quy định.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự toán kinh phí thực hiện Chương trình hằng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt theo quy định; tham mưu bố trí nguồn kinh phí thực hiện Chương trình với quy mô công việc hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm, đồng thời đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách tỉnh hằng năm.

3. Các Sở, Ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện Chương trình nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (B/c);
- TTTU, HĐND tỉnh (B/c);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, KTTH, KTN.

*D:\Dropbox\Năm 2021\Quyết định\Môi trường\01.11
PD Quan trac MT 21_25.doc*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Quang Bửu